TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GÒ CÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/02/2022
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN TXGC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi
Các Hội thẩm nhân dân:
1) Ông Võ Thành Dương
2) Bà Võ Thị Bích Liên
***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Toà án nhân dân TXGC;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TXGC tham gia phiên tòa: Ông M Hùng Nhân - Kiểm sát viên;

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, Tòa án nhân dân TXGC, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 156/2021/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2021, về việc: "*Xin ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2022, giữa:
- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Ấp GC, xã LH, TXGC, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Chị Lê Thị M, sinh năm 1993.
Địa chỉ: Ấp GC, xã LH, TXGC, tỉnh Tiền Giang.
(Anh N có mặt, chị M xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thành N trình bày:*
Anh và chị Lê Thị M tự tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH, TXGC vào ngày 08 tháng 8 năm 2011. Anh và chị M sống hạnh phúc đến giữa năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chơi cờ bạc và mắc nợ nên bỏ nhà đi trốn nợ 02 tháng. Thời gian anh không ở nhà, chị M cũng bỏ đi thành phố Hồ Chí Minh làm ăn. Sau khi anh trở về nhà, vợ chồng có trao đổi, hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay anh không còn tình cảm với chị M nên xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con tên Nguyễn Anh Th, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2012. Thời gian sống ly thân, anh trực tiếp nuôi con. Ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai, đơn đề nghị cùng ngày 20/12/2021, bị đơn chị Lê Thị M trình bày:*

Chị M thống nhất theo trình bày của anh N về tình trạng hôn nhân. Chị M đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh N. Chị M đồng ý với nguyện vọng của con về về nơi ở sau khi chị M và anh N ly hôn. Tài sản chung và nợ chung, không có.

***** *Ý kiến Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay; Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, anh Nguyễn Thành N và chị Lê Thị M có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 8 năm 2011. Đến 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Thời gian sống ly thân, không hàn gắn được tình cảm cho thấy mâu thuẫn giữa anh N và chị M đã trầm trọng nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N. Anh N và chị M có một con chung tên Nguyễn Anh Th, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2012. Theo bản tự khai ngày 09/12/2021, cháu Nguyễn Anh Th có nguyện vọng sống với cha sau khi anh chị ly hôn. Theo bản tự khai, chị M đồng ý theo nguyện vọng của cháu Thư về việc con muốn sống với ai sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh N về việc yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Anh N không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thành N. Anh Nguyễn Thành N được ly hôn với chị Lê Thị M. Về con chung: Anh Nguyễn Thành N được tiếp tục nuôi dưỡng con tên Nguyễn Anh Th, sinh ngày 06/11/2012. Anh N không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí: Anh N phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ tranh chấp giữa anh Nguyễn Thành N và Lê Thị M theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Chị Lê Thị M có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt chị M.

Xét về tình cảm: Anh N xin ly hôn với chị M vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn. Mâu thuẫn giữa anh N và chị M phát sinh từ năm 2014 và sống ly thân đến nay. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Chị M đồng ý ly hôn với anh N, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh N và chị M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N, ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh N và chị M.

Về con chung: Anh N và chị M có một con tên Nguyễn Anh Th, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2011. Thời gian sống ly thân, anh N là người trực tiếp nuôi con. Anh N có yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Tại bản tự khai ngày 09 tháng 12 năm 2021, cháu Thư có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn. Chị M đồng ý với nguyện vọng của cháu Thư. Do đó, cần giao cháu Thư cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh N không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Anh N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Chị M không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thành N.
- Anh Nguyễn Thành N được ly hôn với chị Lê Thị M.

2/ Về con chung:

- Anh Nguyễn Thành N được tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Anh Th, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2011.
- Anh Nguyễn Thành N không yêu cầu chị Lê Thị M cấp dưỡng nuôi con.
- Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4/ Về án phí: Anh Nguyễn Thành N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 0006557, ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự TXGC. Như vậy, anh N đã nộp xong án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Thành N có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng chị Lê Thị M, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày Tòa án tống đạt bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND TXGC;
- CC. Thi hành án DS TXGC;
- UBND xã LH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI